

Số: 74/2016/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích
công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng;

Xét tờ trình số 3312/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (gồm: Cửa khẩu Quốc tế, Cửa khẩu chính và các Cửa khẩu phụ, lối mở, cặp chợ biên giới, điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu được cấp có thẩm quyền cho phép (gọi tắt là cửa khẩu) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng).

2. Đối tượng nộp phí

Các chủ sở hữu hoặc người điều khiển các phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực các cửa khẩu, cửa khẩu phụ, lối mở, cặp chợ biên giới, điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu được cấp có thẩm quyền cho phép. Riêng danh mục quy định tại tiêu mục 1, mục III khoản 5 Điều này thì chủ sở hữu hàng hóa xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm nộp phí khi xe sang tải thuộc sở hữu của công dân Việt Nam.

3. Đối tượng được miễn nộp phí

a) Đối với xe chở hàng hóa là mía nguyên liệu của huyện Hạ Lang xuất khẩu;

b) Xe chở hàng hóa xuất, nhập khẩu là bã mía của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

4. Cơ quan tổ chức thu phí

a) Cơ quan Thuế tổ chức thu phí từ mục I, mục II, khoản 5 Điều này;

b) Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng thu phí quy định tại mục III, khoản 5 Điều này.

5. Mức thu phí

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài xuất qua cửa khẩu tỉnh Cao Bằng			100% nộp ngân sách nhà nước
1	Đối với xe chở hàng bằng container loại 40 feet	đồng/container	6.500.000	
2	Đối với xe chở hàng bằng container 20 feet	đồng/container	5.500.000	
3	Đối với xe chở mặt hàng xăng, dầu	đồng/tấn	70.000	
4	Đối với xe chở hàng hóa khác	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	200.000	
5	Đối với xe chở hàng hóa là ô tô tạm nhập tái xuất	đồng/xe ô tô tạm nhập tái xuất	5.000.000	
6	Đối với xe chở hàng hóa là xe máy phân khối lớn	đồng/ xe máy phân khối lớn tạm nhập, tái xuất	500.000	
II	Đối với xe chở hàng hóa xuất, nhập khẩu khác (bao gồm cả hàng hóa là gia súc sống xuất khẩu)	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	100.000	100% nộp ngân sách nhà nước
III	Đối với xe sang tải, giao nhận hàng hóa xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (bao gồm cả xe của nước đối diện)			Để lại đơn vị thu 70%; 30 % nộp ngân sách
1	Xe ba bánh (xe lam, xe ba gác, xe ô tô chở dưới 1 tấn)	đồng/xe/lượt	10.000	
2	Xe từ 01 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe/lượt	50.000	
3	Xe từ trên 10 tấn chở lên	đồng/xe/lượt	100.000	

6. Kê khai, nộp phí

a) Đối với khoản phí do Cơ quan Thuế trực tiếp thu tiền phí, định kỳ hàng ngày phải nộp số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước (đối với ngày lễ, tết, ngày nghỉ theo chế độ quy định thì nộp vào ngày làm việc tiếp theo);

b) Đối với khoản phí do Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng thu phí, định kỳ ngày thứ 6 hàng tuần phải nộp số tiền phí thu được vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước (đối với ngày lễ, tết, ngày nghỉ theo chế độ quy định thì nộp vào ngày làm việc tiếp theo);

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

7. Quản lý và sử dụng phí

a) Số tiền Phí thu được tại mục I đến mục II, khoản 5 Điều này phải nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Đối với Phí xe sang tải, giao nhận hàng hóa xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (tại mục III, khoản 5 Điều này), tổ chức thu phí được để lại 70% (bảy mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 30% (ba mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư của Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu cấp chợ biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Mục IX, phần A biểu chi tiết ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết 09/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Chính phủ;
 - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
 - Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
 - Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT,STC. ĐH (140 b).

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng